

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LỘC
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 84/2024/HS-ST
Ngày 28-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đình Đông

Bà Nguyễn Thị Quyên.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Tạ Phương Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Mã Lan Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2024/TLST-HS, ngày 13 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2024/QĐXXST-HS, ngày 26 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 69/2024/HS-ST- QĐ, ngày 06 tháng 9 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 75/2024/HS-ST- QĐ, ngày 20 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Lê Tuấn Sơn L, (tên gọi khác: Không); sinh ngày 18 tháng 5 năm 1995. Tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Liễu Văn H và con bà Lê Thị H1; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Có 01 tiền sự chưa được xóa cụ thể: Ngày 31/12/2023, bị cáo bị Công an huyện L, tỉnh Bắc Giang xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 167/QĐXPHC, đến nay bị cáo chưa thi hành khoản tiền này; nhân thân: Tại Bản án số 17/2017/HSST ngày 28/03/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang xử phạt bị cáo 04 năm tù về tội “Giao cấu với trẻ em”. Chấp hành xong án phạt tù ngày 01/01/2020. Hiện đã được xóa án tích và tại Bản án số 44/2024/HS-ST ngày 16/05/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xử phạt bị cáo 01 năm 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Do hành vi phạm tội lần này của bị cáo xảy ra trước thời điểm thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” nên lần phạm tội này

không thuộc trường hợp tái phạm. Bị cáo hiện đang chấp hành án tại Trại giam S1, Cục A, Bộ C1 đến nay; có mặt.

2. Lê Thị N, (tên gọi khác: Không); sinh ngày 08 tháng 4 năm 1994. Tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn C, xã C, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quý Đ (đã chết) và con bà Đoàn Thị Đ1 (đã chết); chồng Đinh Văn H2; con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Có 01 tiền sự chưa được xóa cụ thể: Ngày 31/12/2023, bị cáo bị Công an huyện L, tỉnh Bắc Giang xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 167/QĐXPHC, đến nay bị cáo chưa thi hành khoản tiền này; nhân thân: tại Bản án số 44/2024/HS-ST ngày 16/05/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xử phạt bị cáo 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Do hành vi phạm tội lần này của bị cáo xảy ra trước thời điểm thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” nên lần phạm tội này không thuộc trường hợp tái phạm. Bị cáo hiện đang chấp hành án tại Trại giam P, Bộ C1 đến nay; có mặt.

- *Bị hại:* Ông Dương Ngọc Q, sinh năm 1959; địa chỉ: Khu V, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Phạm Văn C, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Tuấn Sơn L và Lê Thị N có mối quan hệ tình cảm với nhau. Sáng ngày 15/01/2024, Lê Tuấn Sơn L và Lê Thị N bàn bạc việc đi đòi tiền nợ của Lô Văn H3 (sinh năm: 1999, trú tại thôn K, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn). Khoảng 08 giờ 20 phút cùng ngày, cả hai đến Khu trung tâm thương mại Đ2 (thuộc thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn) ăn sáng và tìm thuê xe ôm. Tại đây, Lê Thị N và Lê Tuấn Sơn L gặp ông Dương Ngọc Q (sinh năm: 1959, trú tại khu V, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn) đang đợi khách. Lê Tuấn Sơn L đến bảo ông Dương Ngọc Q chở hai người đến thôn K, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn để đòi tiền nợ. Ông Dương Ngọc Q đồng ý chở với giá 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng). Sau khi thỏa thuận xong, ông Dương Ngọc Q điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu đỏ trắng đen, biển kiểm soát: 12D1-059.14 chở Lê Tuấn Sơn L và Lê Thị N (Lê Tuấn Sơn L ngồi giữa còn Lê Thị N ngồi đằng sau Lê Tuấn Sơn L) từ trung tâm thương mại Đ2 đi đến thôn K, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Trên đường đi Lê Tuấn Sơn L và Lê Thị N không liên lạc được với Lô Văn H3. Thấy không có khả năng đòi được tiền nên Lê Tuấn Sơn L đã nảy sinh việc chiếm đoạt chiếc xe mô tô của ông Q. Lê Tuấn S L quay mặt xuống bảo Lê Thị N “trộm xe của ông này đi”. Nghe Lê Tuấn Sơn L bảo vậy thì Lê Thị N gật đầu đồng ý với việc chiếm đoạt chiếc xe. Khi ông Dương Ngọc Q điều khiển xe vào đoạn đường thuộc thôn K, xã B thì gặp đường dốc, nhiều bùn đất khó đi, khi lên dốc thì

xe yếu bị chết máy, Lê Tuấn Sơn L xuống xe giúp ông Dương Ngọc Q khởi động lại xe. Sau đó Lê Thị N nói với ông Dương Ngọc Q “ Chồng cháu tay lái cứng để chồng cháu lái cho”, nghe vậy ông Dương Ngọc Q đồng ý và giao xe cho Lê Tuấn Sơn L điều khiển.

Lê Tuấn Sơn L lái xe chở Lê Thị N ngồi giữa, ông Dương Ngọc Q ngồi đằng sau Lê Thị N. Khi đi tiếp một đoạn đường bùn lầy khó đi chuyển, xe mô tô bị mắc vào vũng bùn, thấy vậy ông Dương Ngọc Q không đồng ý đi tiếp rồi bảo Lê Tuấn Sơn L và Lê Thị N tự đi bộ vào. Nghe vậy, Lê Tuấn Sơn L nói lấy được tiền nợ xong sẽ đi ra ngay, còn Lê Thị N bảo ông Dương Ngọc Q tự đi bộ qua đoạn đường bùn lầy trước để Lê Tuấn Sơn L và Lê Thị N điều khiển xe đi sau. Ông Dương Ngọc Q đồng ý rồi đi bộ trước. Lê Tuấn Sơn L và Lê Thị N chờ ông Dương Ngọc Q đi bộ trước vào đường bùn lầy khoảng 10 mét và không để ý thì Lê Tuấn Sơn L điều khiển xe quay đầu chở Lê Thị N quay ngược lại ra hướng quốc lộ rồi đi hướng tỉnh Bắc Giang. Đến khoảng 13 - 14 giờ cùng ngày, khi đi đến khu vực thôn C, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang, Lê Tuấn Sơn L và Lê Thị N vào một cửa hàng thu mua sắt vụn của anh Phạm Văn C (sinh năm: 1977) bán chiếc xe mô tô trên với số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Sau đó Lê Tuấn Sơn L và Lê Thị N tiếp tục thuê anh Phạm Văn C chở taxi đến thị trấn B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang với giá 200.000 đồng. Số tiền còn lại Lê Tuấn Sơn L và Lê Thị N đã cùng chi tiêu hết.

Ông Dương Ngọc Q sau khi bị chiếm đoạt chiếc xe mô tô đã trình báo sự việc đến Công an xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS ngày 26/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn kết luận: *“01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu đỏ, trắng, đen, biển kiểm soát: 12D1-059.14, đăng ký năm 2012; Số khung: 5212CY438572, số máy: JC52E4343342; đăng ký lần đầu ngày 12/10/2012 tại thời điểm tháng 01/2024 có giá 4.300.000 đồng (Bốn triệu ba trăm nghìn đồng).”*

Xét thấy có dấu hiệu hình sự, ngày 04/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Lê Tuấn Sơn L và Lê Thị N về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Quá trình điều tra xác định Lê Tuấn Sơn L và Lê Thị N đã bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L, tỉnh Bắc Giang khởi tố và bắt tạm giam về hành vi trộm cắp tài sản.

Đồ vật, tài liệu bị tạm giữ: Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu đỏ, trắng, đen, biển kiểm soát: 12D1-059.14 đã bị Công an huyện L, tỉnh Bắc Giang tạm giữ. Ngày 08/04/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L, tỉnh Bắc Giang đã bàn giao chiếc xe mô tô trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L để giải quyết. Ngày 19/06/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L đã ra chuyển hồ sơ, tài liệu và bàn giao chiếc xe mô tô trên cho Đội Cảnh sát giao thông - trật tự Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn để đảm bảo thi hành Quyết định xử phạt hành chính đối với Dương Ngọc Q. Ngày 24/06/2024, Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số G01.825.809.308-981-24-001231/QĐ-XPHC đối với Dương Ngọc Q về các hành vi chở theo hai người trên xe và không có giấy phép lái xe. Dương Ngọc Q đã chấp

hành xong Quyết định xử phạt hành chính trên, đồng thời được trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12D1-059.14.

Về trách nhiệm dân sự: Tại giai đoạn điều tra, ông Dương Ngọc Q yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 15.000.000 đồng (Mười năm triệu đồng) là thiệt hại do mất thu nhập lao động trong thời gian bị chiếm đoạt xe. Tuy nhiên, ngày 02/8/2024 ông Q đã rút yêu cầu trên, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường về dân sự. Anh Phạm Văn C là chủ cửa hàng sắt vụn yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền 800.000 đồng (T tám nghìn đồng) là số tiền mà anh C đã mua chiếc xe mô tô của Lê Tuấn Sơn L và Lê Thị N.

Tại bản Cáo trạng số 51/CT-VKSCL, ngày 03 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Lê Tuấn Sơn L, Lê Thị N về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Lê Tuấn Sơn L, Lê Thị N chưa thành khẩn còn khai báo quanh co về hành vi phạm tội.

Bị hại ông Dương Ngọc Q vắng mặt, lời khai trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ông làm nghề xe ôm. Ngày 15/01/2024, khi ông đang đứng chờ khách tại trước cửa Trung tâm thương mại thị trấn Đ2 thì có một đôi nam nữ thuê xe và bảo ông chở vào thôn K, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, giá cả thống nhất là 200.000 đồng, khi đi đến cổng thôn thì gặp đoạn đường bùn trơn nên xe không thể di chuyển được thì nam thanh niên bảo "đề cháu cầm lái cho" và người phụ nữ cũng nói "chồng cháu tay lái cứng để chồng cháu lái cho", nghe vậy ông đã đồng ý và giao xe cho nam thanh niên điều khiển, sau khi giao xe xong cho nam thanh niên, người phụ nữ nói với ông là ông tự đi bộ qua đoạn đường bùn lầy trước để nam thanh niên điều khiển xe đi sau. Ông đồng ý rồi đi bộ trước. Khi ông đi bộ trước vào đường bùn lầy khoảng 10 mét và không để ý thì đôi nam nữ trên quay đầu xe bỏ chạy, khi đó ông mới biết mình bị hai đối tượng một nam và một nữ lừa đảo chiếm chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu đỏ, trắng, đen, biển kiểm soát: 12D1-059.14 và ông đã đến Công an xã B, huyện C trình báo sự việc. Sau này khi làm việc với Cơ quan điều tra, ông được biết tên hai người lừa lấy chiếc xe của ông có tên là Lê Tuấn Sơn L và Lê Thị N. Ngày 24/6/2024 ông đã được Cơ quan điều tra trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu đỏ, trắng, đen, biển kiểm soát: 12D1-059.14. Tại giai đoạn điều tra, ông yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 15.000.000 đồng (Mười năm triệu đồng) là thiệt hại do mất thu nhập lao động trong thời gian bị chiếm đoạt xe. Tuy nhiên, ngày 02/8/2024 ông đã rút yêu cầu trên, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Phạm Văn C vắng mặt, lời khai có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Anh là chủ cửa hàng mua bán sắt vụn, khoảng 14 giờ chiều ngày 15/01/2024 có một người phụ nữ và một người đàn ông đến bán cho anh một chiếc xe mô tô HONDA WAVE BKS 12D1-059.14, khi mang xe đến bán có nói là xe của gia đình và bị mất giấy tờ, không có nhu cầu sử

dụng nên muốn bán và anh đã mua với giá 1.000.000 đồng, sau khi thỏa thuận xong thấy anh có làm thêm nghề chạy xe taxi nên người phụ nữ và người đàn ông đã thuê anh chở taxi đưa họ đến thị trấn B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang với giá 200.000 đồng, sau khi trừ số tiền taxi, anh trả cho người đàn ông 800.000 đồng. Khi mua xe anh không biết đây là chiếc xe mô tô do người phụ nữ và người đàn ông chiếm đoạt của người khác mà có. Sau khi làm việc với Cơ quan điều tra, anh được biết tên hai người đến bán xe cho anh có tên là Lê Tuấn Sơn L và Lê Thị N, anh cũng đã tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô trên cho cơ quan Công an để phục vụ điều tra. Anh yêu cầu các bị cáo phải trả lại anh số tiền 800.000 đồng mà anh đã bỏ ra mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu đỏ, trắng, đen, biển kiểm soát: 12D1-059.14.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Lê Tuấn Sơn L, Lê Thị N phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Căn cứ khoản 1 Điều 174; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 55, Điều 56; Điều 58 của Bộ luật Hình sự - xử phạt bị cáo Lê Tuấn Sơn L từ 18 (mười tám) tháng đến 24 (hai mươi tư) tháng tù và tổng hợp hình phạt với Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2024/HS-ST ngày 16/05/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ khoản 1 Điều 174; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 55, Điều 56; Điều 58 của Bộ luật Hình sự - xử phạt bị cáo Lê Thị N từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù và tổng hợp hình phạt với Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2024/HS-ST ngày 16/05/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có tài sản, đều là người nghiện ma túy, thu nhập không ổn định, nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 584, Điều 585, khoản 2 Điều 586, Điều 590, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Buộc các bị cáo phải liên đới trả lại số tiền 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng) cho anh Phạm Văn C. Cụ thể mỗi bị cáo phải trả cho anh Phạm Văn C số tiền 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) đây là số tiền mà anh C đã bỏ ra mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu đỏ, trắng, đen, biển kiểm soát: 12D1-059.14.

Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu đỏ, trắng, đen, biển kiểm soát: 12D1-059.14. Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả cho bị hại ông Dương Ngọc Q. Đề nghị không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nhất trí với bản luận tội, không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đều đã nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai báo phù hợp với nhau, phù hợp với các chứng cứ khác và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị hại ông Dương Ngọc Q, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Phạm Văn C đều vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng trên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt họ theo quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa mặc dù các bị cáo còn khai báo quanh co nhưng quá trình xét hỏi, tranh luận công khai các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình đó là: Sau khi thuê xe và ông Dương Ngọc Q chở các bị cáo đi được một đoạn thì bị cáo L đã nảy sinh ý định sẽ trộm cắp chiếc xe mô tô, bị cáo L nói nhỏ với bị cáo N và được bị cáo N đồng ý. Nhưng không có cơ hội trộm xe vì ông Dương Ngọc Q vẫn đang cầm lái chiếc xe. Đến khi ông Dương Ngọc Q điều khiển xe đi đến đoạn đường dốc và nhiều bùn đất, trơn xe không thể di chuyển được xe bị chết máy thì hai bị cáo đã nảy sinh ý định lừa lấy chiếc xe của ông Dương Ngọc Q, bị cáo Lâm N1 máy hộ ông Dương Ngọc Q và nói "để cháu lái hộ", còn bị cáo N thì nói "để chồng cháu tay lái cứng để chồng cháu lái cho" và ông Dương Ngọc Q tin tưởng giao chiếc xe cho bị cáo L, sau khi được ông Dương Ngọc Q giao xe các bị cáo đã chiếm đoạt chiếc xe của ông mang đi bán lấy tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng. Lời thừa nhận trên của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 09 giờ ngày 15/01/2024, các bị cáo Lê Tuấn Sơn L, Lê Thị N đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE BKS: 12D1-059.14 của ông Dương Ngọc Q. Kết luận định giá tài sản trị giá 4.300.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Lê Tuấn Sơn L, Lê Thị N về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Các bị cáo đều là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, do vậy các bị cáo có đủ khả năng để nhận thức việc thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân. Để có mức án tương xứng với hành vi phạm tội

của các bị cáo. Hội đồng xét xử đánh giá về tính chất vụ án, vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo.

[5] Xét về tính chất vụ án, vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Bị cáo Lê Tuấn Sơn L là người khởi sự, rủ bị cáo Lê Thị N cùng thực hiện hành vi lừa đảo mục đích chiếm đoạt tài sản để mang bán lấy tiền tiêu sài nên phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò chính, bị cáo Lê Thị N có hành vi giúp sức tích cực giữ vai trò sau bị cáo Lê Tuấn Sơn L.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lê Tuấn Sơn L, Lê Thị N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa các bị cáo khai báo quanh co, chưa thành khẩn nên các bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về nhân thân: Các bị cáo đều đã bị kết án, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, nên các bị cáo có nhân thân xấu.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định, buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại cơ sở giam giữ mới đảm bảo tính nghiêm minh, răn đe đối với các bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội. Ngoài ra, bị cáo Lê Tuấn Sơn L và bị cáo Lê Thị N đang chấp hành một bản án có hiệu lực pháp luật mà sau đó lại bị xét xử về một tội khác thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội đang xét xử, sau đó quyết định hình phạt chung theo quy định tại Điều 55, khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự. Thời gian đã chấp hành của bản án trước được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung.

[10] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự, các bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Xét thấy, các bị cáo đều làm nghề lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng có giá trị, là người nghiện ma túy, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 584, Điều 582, khoản 2 Điều 586, Điều 590, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Buộc các bị cáo phải liên đới trả lại số tiền 800.000 đồng (T tám nghìn đồng) cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Phạm Văn C, cụ thể mỗi bị cáo phải trả 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) cho anh Phạm Văn C, đây là số tiền mà anh Phạm Văn C đã bỏ ra mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu đỏ, trắng, đen, biển kiểm soát: 12D1-059.14; Còn đối với bị hại ông Dương Ngọc Q đã nhận lại tài sản không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường. Nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[12] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu đỏ, trắng, đen, biển kiểm soát: 12D1-059.14. Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả cho bị hại ông Dương Ngọc Q. Nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[13] Đối với anh Phạm Văn C là chủ cửa hàng mua bán sắt vụn đã mua chiếc xe mô tô HONDA WAVE BKS 12D1-059.14 của Lê Tuấn Sơn L và Lê Thị N: Anh Phạm Văn C khai nhận khi Lê Tuấn Sơn L và Lê Thị N đến bán chiếc xe trên có nói là xe của gia đình và bị mất giấy tờ, không có nhu cầu sử dụng nên muốn bán. Anh Phạm Văn C không biết đây là chiếc xe mô tô do Lê Tuấn Sơn L và Lê Thị N chiếm đoạt của người khác mà có. Sau khi làm việc với Cơ quan điều tra, anh Phạm Văn C tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô trên cho cơ quan Công an để phục vụ điều tra. Lời khai của anh Phạm Văn C phù hợp với tài liệu thu thập được, do đó Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý đối với anh Phạm Văn C. Nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[14] Đối với anh Lô Văn H3: Tại Cơ quan điều tra, anh Lô Văn H3 trình bày bản thân quen biết với Lê Thị N và Lê Tuấn Sơn L, anh Lô Văn H3 vay tiền Lê Thị N với số tiền 3.000.000 đồng từ trước đó. Vào ngày 15/01/2024, anh Lô Văn H3 không nhận được tin nhắn, cuộc gọi nào của Lê Tuấn Sơn L và Lê Thị N về việc đến gặp anh để đòi tiền nợ, không được Lê Tuấn Sơn L, Lê Thị N thông báo trước về việc đến đòi tiền. Lời khai của anh Lô Văn H3 phù hợp với tài liệu thu thập được, Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý đối với anh Lô Văn H3. Nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[15] Về án phí: Các bị cáo Lê Tuấn Sơn L, Lê Thị N là người bị kết án, nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23; điểm b khoản 1 Điều 24; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[16] Ý kiến, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với các bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[17] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331; Điều 332; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 55; Điều 56; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Tuấn Sơn L;

Căn cứ khoản 1 Điều 174; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 55; Điều 56; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Thị N.

Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 584, Điều 585, khoản 2 Điều 586, Điều 590, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 292; các Điều 331; 332; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 23; điểm b khoản 1 Điều 24; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Tuấn Sơn L, Lê Thị N phạm Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Lê Tuấn Sơn L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù của bản án số 44/2024/HS-ST ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 17/01/2024.

2.2. Xử phạt bị cáo Lê Thị N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt 01 (một) năm tù của bản án số 44/2024/HS-ST ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 17/01/2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Lê Tuấn Sơn L, Lê Thị N phải liên đới trách nhiệm trả lại số tiền 800.000 đồng (T tám nghìn đồng) cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Phạm Văn C. Cụ thể mỗi bị cáo phải trả cho anh Phạm Văn C số tiền 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án thì người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Các bị cáo Lê Tuấn Sơn L, Lê Thị N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Đội Tổng hợp Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL&NV liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nông Thị Hà